**ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo tình hình lao động, tiền lương, nợ lương (nếu có) năm 2022 và**

**kế hoạch thưởng Tết cho người lao động năm 2023**

**I**- **Tình hình lao động, tiền lương năm 2022**

***1. Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn:*** *............. doanh nghiệp, trong đó:*

- Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: .... doanh nghiệp.

- Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước: ...doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp dân doanh: ...doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ...doanh nghiệp.

***2. Tổng số lao động tại các doanh nghiệp:*** *........................ lao động, trong đó:*

- Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: .... lao động.

- Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước: .....lao động.

- Doanh nghiệp dân doanh: ......lao động.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI): .... lao động.

***3. Tiền lương thực trả của doanh nghiệp***

- Tổng số doanh nghiệp có báo cáo:

- Tiền lương bình quân của người lao động tại các doanh nghiệp có báo cáo trên địa bàn tỉnh:........ đ/người/tháng, trong đó:

+ Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:.... đ/người/tháng.

+ Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước: ... đ/người/tháng.

+ Doanh nghiệp dân doanh: ... đ/người/tháng.

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ... đ/người/tháng.

**II. Kế hoạch thưởng Tết 2023**

***1. Kế hoạch thưởng tết Dương lịch 2023***

- Mức thưởng bình quân cho người lao động trong các doanh nghiệp có kế hoạch thưởng: .......... đ/người, trong đó:

- Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: ... đ/người.

- Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước: ... đ/người.

- Doanh nghiệp dân doanh: ... đ/người.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ... đ/người.

***2. Kế hoạch thưởng Tết Nguyên đán 2023***

Mức thưởng bình quân cho người lao động trong các doanh nghiệp có kế hoạch thưởng: ........... đ/người, trong đó:

- Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: ... đ/người.

- Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước: ... đ/người.

- Doanh nghiệp dân doanh: ... đ/người.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ... đ/người.

**III. Tình hình nợ lương năm 2022 *(có danh sách kèm theo)***

***1.*** Tổng số doanh nghiệp nợ lương: ... doanh nghiệp.

***2.*** Tổng số lao động bị nợ lương: … người.

***3.*** Tổng số tiền lương bị nợ: … triệu đồng.

**IV. Tình hình nợ bảo hiểm xã hội năm 2022 *(có danh sách kèm theo)***

1. Tổng số doanh nghiệp nợ BHXH: ... doanh nghiệp.

2. Tổng số tiền nợ BHXH:: … triệu đồng.

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Kết quả công tác hỗ trợ, giám sát thực hiện pháp luật về lao động,**

**tiền lương, quan hệ lao động tại các doanh nghiệp trong dịp tết Dương lịch**

**và tết Nguyên đán năm 2023**

**I. Công tác chỉ đạo, triển khai**

**II. Kết quả thực hiện**

**1.** Tình hình chung về lao động, việc làm trong các doanh nghiệp (tổng số doanh nghiệp, tổng số lao động)

**2.** Tuyên truyền pháp luật lao động

**3.** Nhu cầu tuyển dụng, sử dụng, biến động lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý trước, trong và sau tết Nguyên đán 2023; tình hình thôi việc, mất việc làm của người lao động trên địa bàn sau tết.

**4.** Tình hình thực hiện các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp.

**5.** Công tác đôn đốc doanh nghiệp, tiến độ, kết quả chi trả nợ lương năm 2022 *(nếu có).*

**III. Kiến nghị, đề xuất**

***Mẫu số 01-DN***

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tình hình tiền lương năm 2022 và kế hoạch thưởng Tết năm 2023**

**I) Thông tin chung:**

**1.** Tên doanh nghiệp: ………………………………………...

**2.** Địa chỉ: …………………………………………………….

**3.** Điện thoại: ………………….. Email: ………………

**4.** Doanh nghiệp: Trong Khu CN hoặc ngoài khu CN *(chọn 1 phương án)*

**5.** Ngành nghề kinh doanh chính *(chọn 1 phương án)*

Dệt may Da giày Chế biến gỗ Khác

**6.** Loại hình doanh nghiệp *(chọn 1 phương án):*

\* Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

\* Doanh nghiệp có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước

\* Doanh nghiệp dân doanh

\* Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

**II) Tình hình tiền lương năm 2022 và kế hoạch thưởng tết năm 2023:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Thực hiện** |
| **1** | **Tình hình lao động** | Người/tháng |  |
| 1.1 | Số lao động bình quân của doanh nghiệp năm 2022 *(Tổng số lao động sử dụng của các tháng trong năm chia cho 12 tháng)* |  |  |
| 1.2 | Số lao động bị cắt giảm năm 2023. Chia ra: |  |  |
|  | *Thôi việc, mất việc* |  |  |
|  | *Giảm giờ làm* |  |  |
|  | *Ngừng việc* |  |  |
|  | *Tạm hoãn HĐLĐ* |  |  |
|  | *Nghỉ việc không hưởng lương* |  |  |
|  | *Khác* |  |  |
| 1.3 | Số lao động dự kiến tuyển dụng năm 2023 |  |  |
| **2** | **Tiền lương trong năm 2022** |  |  |
| 2.1 | Tiền lương bình quân của doanh nghiệp *(Tổng quỹ lương chi trong năm 2022 chia cho tổng số lao động và chia cho 12 tháng)* | Đồng/tháng |  |
| 2.2 | Tiền lương của người lao động được trả lương cao nhất trong doanh nghiệp | Đồng/tháng |  |
| 2.3 | Tiền lương của người lao động được trả tiền lương thấp nhất trong doanh nghiệp *(trả cho người lao động làm đủ ngày công tiêu chuẩn của doanh nghiệp trong tháng)* | Đồng/tháng |  |
| **3** | **Tiền thưởng dịp Tết Dương lịch năm 2023** | **Đơn vị tính** | **Thực hiện** |
| 3.1 | Tổng số lao động của doanh nghiệp có kế hoạch được thưởng Tết dương lịch 2023 | Người |  |
| 3.2 | Tiền thưởng bình quân *(Tổng số tiền thưởng Tết DL theo kế hoạch chia cho tổng số NLĐ kế hoạch được thưởng Tết DL)* | Đồng/người |  |
| 3.3 | Mức thưởng của người lao động có mức thưởng cao nhất trong doanh nghiệp theo kế hoạch | Đồng/người |  |
| 3.4 | Mức thưởng của người lao động có mức thưởng thấp nhất trong doanh nghiệp theo kế hoạch *(mức thưởng của người lao động có thời gian làm việc đủ 12 tháng/năm)* | Đồng/người |  |
| **4** | **Tiền thưởng Tết Nguyên đán năm 2023** | **Đơn vị tính** |  |
| 4.1 | Tổng số lao động của doanh nghiệp có kế hoạch được thưởng Tết Nguyên đán năm 2023 | Người |  |
| 4.2 | Tiền thưởng bình quân *(tổng số tiền thưởng Tết Nguyên đán năm 2023 theo kế hoạch chia cho tổng số người trong kế hoạch được thưởng Tết Nguyên đán 2023)* | Đồng/người |  |
| 4.3 | Mức thưởng của người lao động có mức thưởng cao nhất trong doanh nghiệp theo kế hoạch | Đồng/người |  |
| 4.4 | Mức thưởng của người lao động có mức thưởng thấp nhất trong doanh nghiệp theo kế hoạch (*mức thưởng của người lao động có thời gian làm việc đủ 12 tháng/năm)* | Đồng/người |  |

- Dự kiến thời gian nghỉ Tết nguyên đán năm 2023: Từ ngày …. tháng …. năm 2023 đến ngày ….. tháng ….. năm 2023.

- Dự kiến thời gian chi lương tháng 01/2023 trước khi người lao động nghỉ Tết Nguyên đán năm 2023, ngày….…/……. /2023.

- Dự kiến thời gian chi tiền thưởng Tết dương lịch năm 2023, ngày…./…./202...

- Dự kiến thời gian chi tiền thưởng Tết Nguyên đán năm 2023, ngày…/…./202...

**III) Tình hình nợ lương năm 2022:** Có Không

Nếu có, số tiền nợ: …………….. đồng và điền thông tin theo biểu mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nguyên nhân** | | | **Số người lao động bị nợ lương** | | **Số tháng nợ** | | **Số tiền lương bị nợ *(đồng)*** | |
| DN gặp khó khăn buộc phải tạm ngừng hoạt động | DN giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động | Khác  *(ghi*  *cụ thể)* | Đã giải quyết | Chưa giải quyết | Đã giải quyết | Chưa giải quyết | Đã giải quyết | Chưa giải quyết |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Dự kiến thời gian trả lương (số còn nợ) trước khi người lao động nghỉ Tết Nguyên đán năm 2023, ngày….…/…../2023; số tiền: …………… đồng.

**VI) Tình hình nợ BHXH năm 2023:** Có Không

Nếu có, số tiền nợ: ………….. đồng, số tháng nợ ………. tháng; nguyên nhân:…..….

…………………………………………………………………………………………….

**Người lập biểu GIÁM ĐỐC**

*(ký và ghi rõ họ tên)*  *(Ký tên, đóng dấu)*

***Biểu mẫu số 02***

**TÌNH HÌNH CẮT GIẢM LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM**

**TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

**I. Tình hình cắt giảm lao động, việc làm trong các doanh nghiệp**

**1. Số lao động bị cắt giảm việc làm.** Trong đó:

**1.1.** Chia theo loại hình:

- Doanh nghiệp nhà nước

- Doanh nghiệp dân doanh

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

**1.2.** Chia theo ngành nghề

- Dệt may – giày da

- Chế biến gỗ, tre

- Điện tử, cơ khí

- Chế biến thủy sản

- Khác

**1.3.** Mức độ ảnh hưởng cắt giảm việc làm:

- Thôi việc, mất việc:

- Giảm giờ làm

- Ngừng việc

- Tạm hoãn HĐLĐ

- Nghỉ việc không hưởng lương

- Hình thức khác

**2. Nguyên nhân cắt giảm**

**3. Các giải pháp đã thực hiện trước tình hình cắt giảm lao động, việc làm**

**II. Dự báo nhu cầu tuyển dụng lao động trong thời gian trước và sau tết năm 2023**

Tổng số lao động cần tuyển dụng**:**

Chia theo ngành nghề:

- Dệt may – giày da

- Chế biến gỗ, tre

- Điện tử, cơ khí

- Chế biến thủy sản

- Khác

***Mẫu số 03***

**TÌNH HÌNH TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG TRONG DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| T  T | Chỉ tiêu  Loại hình  doanh nghiệp | Tình hình lao động  năm 2022 | | | | Tiền lương thực trả năm 2022 (tr.đ/tháng) | | | | | Dự kiến thưởng Tết Dương lịch  năm 2023 | | | | | | Dự kiến thưởng Tết Nguyên đán  năm 2023 | | | | | | Hỗ trợ khác |
| Thời điểm 01/01/2022 | | Đến thời điểm báo cáo | | Tổng số doanh nghiệp có báo cáo lương | Tổng số lao động | Bình quân | Cao nhất | Thấp nhất | Số doanh nghiệp chưa có dự kiến thưởng | Doanh nghiệp có dự kiến thưởng | | | | | Số doanh nghiệp chưa có dự kiến thưởng | Doanh nghiệp có dự kiến thưởng | | | | |
| Tổng số doanh nghiệp | Tổng số lao động | Tổng số doanh nghiệp | Tổng số lao động | Tổng số doanh nghiệp | Tổng số lao động | Mức thưởng dự kiến (tr.đ/người) | | | Tổng số doanh nghiệp | Tổng số lao động | Mức thưởng dự kiến (tr.đ/người/) | | |
| Bình quân | Cao nhất | Thấp nhất | Bình quân | Cao nhất | Thấp nhất |
| 1 | Công ty TNHH MTV do NN nắm giữ 100% vốn điều lệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Doanh nghiệp dân doanh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chung: | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***\* Ghi chú:*** Nêu rõ tên, địa chỉ doanh nghiệp có mức lương, thưởng cao nhất và thấp nhất

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu**  (Ký và ghi rõ họ tên) | *……………….,ngày…….tháng…….năm 2022*  **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Mẫu số 04***

**TÌNH HÌNH NỢ LƯƠNG NĂM 2022 CỦA DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu  Loại hình doanh nghiệp | Số doanh nghiệp  nợ lương | | Số người lao động  bị nợ lương | | Số tiền lương bị nợ (1.000đ) | | Ghi chú |
| Đã giải quyết | Chưa giải quyết | Đã giải quyết | Chưa giải quyết | Đã giải quyết | Chưa giải quyết |
| **Chung** |  |  |  |  |  |  |  |
| **1. Chia theo nguyên nhân:** |  |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp gặp khó khăn buộc phải tạm ngừng hoạt động |  |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động |  |  |  |  |  |  |  |
| - Khác |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Chia theo ngành nghề:** |  |  |  |  |  |  |  |
| - Dệt may |  |  |  |  |  |  |  |
| - Da giày |  |  |  |  |  |  |  |
| - Chế biến thủy sản |  |  |  |  |  |  |  |
| - Chế biến gỗ |  |  |  |  |  |  |  |
| - Khác |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Chia theo loại hình:** |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** Công ty TNHH MTV do NN nắm giữ 100% vốn điều lệ |  |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** Doanh nghiệp dân doanh |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** Doanh nghiệp FDI |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu**  (Ký và ghi rõ họ tên) | *ngày…. tháng….. năm…..*  **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký tên, đóng dấu* |

***Biểu số 05***

**TÌNH HÌNH TRẢ LƯƠNG THEO GIỜ TRONG DOANH NGHIỆP, CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Công việc, vị trí  *(phổ biến trên địa bàn có hình thức trả lương theo giờ)* | Mức lương bình quân một giờ (ngàn đồng/giờ) | | | |
| Vùng I | Vùng II | Vùng III | Vùng IV |
| 1. Nhân viên phục vụ ở quán cà phê, giải khát |  |  |  |  |
| 2. Nhân viên phục vụ tại các nhà hàng |  |  |  |  |
| 3. Nhân viên bán hàng tại cửa hàng, siêu thị |  |  |  |  |
| 4. Nhân viên giúp việc theo giờ |  |  |  |  |
| 5. ……………………………..………. |  |  |  |  |